TẠP CHÍ KHOA HỌC No 5 - 1994

VẤN ĐỀ DẠY NGOẠI NGỮ VÀ HIỆN TƯỢNG "ÁP ĐẶT"

PHAN VĂN HÒA

Đại học Sư phạm Đà Nẵng

Khi dạy tiếng với đối tượng như là một ngoại ngữ, ta thường gặp câu hỏi quen thuộc sau đây của người học: Tại sao có hiện tượng ngôn ngữ này và tại sao nó lại thế ? Và lời giải đáp của chúng ta đôi khi làm người học mỉm cười là: Tại đó là tiếng Việt, tại đó là tiếng Anh, tại đó là tiếng Nga và v.v... Nói tóm lại, tại vì đấy không phải là tiếng mẹ đẻ của bạn.

Câu trả lời trên thực ra là chưa trả lời gì hết. Nhưng rồi nghĩ cho cùng, công bằng mà nói, dần dần nó cũng gợi phần nào cho người học tiếng nước ngoài kia thấy rằng: Trong tính hiện thực của ngôn ngữ, một ngôn ngữ cụ thể bao giờ cũng ẩn kín trong lòng nó những đặc điểm riêng của một cộng đồng. Chính từ đó, việc dạy ngôn ngữ với tư cách là một ngoại ngữ *trong mối liên hệ với thói quen sẵn có của người tiếp nhận* thường được gọi là sự "áp đặt"; áp đặt thói quen của một cộng đồng này trực tiếp lên thói quen của một cộng đồng khác mà mỗi ngôn ngữ có một "bộ thói quen" của chính nó.

1. Một trong những ví dụ đơn giản nhất ta có thể nêu ra. Chẳng hạn trong cấu trúc vận động không gian có đích Tôi đi Hà Nội. Về mặt ngữ nghĩa của cấu trúc, thì ý nghĩa phổ quát trên của tiếng Việt hoàn toàn không khác với một số tiếng khác trong các cấu trúc sau đây, nhưng

Tôi đi Hà Nội (ở tiếng Việt - không nhất thiết có giới từ)

Je vais *à* Hà Noi (ở tiếng Pháp - nhất thiết phải có giới từ)

I go *to* Hanoi (ở tiếng Anh - nhất thiết phải có giới từ)

Ich gehe *nach* Ha Noi (ở tiếng Đức - nhất thiết phải có giới từ).

Ja idu *v* Hà Nội (ở tiếng Nga - nhất thiết phải có giới từ).

Như vậy, khi học những ngoại ngữ trên, người Việt phải chịu một sự áp đặt ít ra khi tiếp cận với loại cấu trúc trên. Đặc biệt, điều đáng chú ý là sự áp đặt thuộc bình diện cú pháp trên thường thiên về dạng áp đặt "không có tính lý do". Do vậy, vấn đề "chống áp đặt" ở đây chủ yếu là con đường tạo thói quen phản xạ mới bằng thực hành.

2. Một dạng áp đặt khác có thể tạm gọi là "tương đối có lý do". Như chúng ta biết, về mặt sản sinh ngữ nghĩa, phẩm chất nghĩa đầu tiên của một từ nào đó giữa các ngôn ngữ thường có nghĩa phổ quát giống nhau. Nhưng mặt khác, thực ra, giữa các ngôn ngữ, không phải từ nào có nghĩa tố đầu tiên giống nhau thì số lượng và phẩm chất những nét nghĩa hình thành về sau của từ ấy nhất thiết phải trùng nhau. Về một phương diện nào đó, nếu quan sát kỹ thì hầu hết như một số nét nghĩa hình thành về sau thường mang khá

rõ dấu ấn riêng gắn với môi trường và điều kiện sinh hoạt của cộng đồng. Ví dụ chẳng hạn nghĩa phổ quát của từ mang khái niệm XUỐNG đầu tiên là giống nhau. Nhưng nét nghĩa phát triển về sau của tiếng Việt, ngoài nét nghĩa phổ quát đầu tiên "di chuyển từ cao đến thấp", ta còn có thêm nét nghĩa "di chuyển từ núi đến biển" và "di chuyển từ hướng tây đến hướng đông" theo đặc điểm địa hình Việt Nam.

Như vậy, nếu người Anh hoặc người Pháp học tiếng Việt, khi dùng nghĩa phổ quát đầu tiên của XUỐNG không có gì là khó. Vì *descendre* (Pháp) và *descend* (Anh) ở dạng phổ quát này là đồng dạng khái niệm với tiếng Việt. Chỗ khó là khi họ gặp phải những cấu trúc như: *Nam xuống Hải phòng* hoặc *Bạn tôi đi từ Sơn La mới xuống*. Theo chúng tôi, đây cũng là một loại "áp đặt". Nhưng trong quá trình học, nếu dần dà người học tìm hiểu được điều kiện môi trường và đặc điểm địa hình Việt Nam thì tính chất "áp đặt" ban đầu trên có thể dần dần được giải toả. Như vậy, "chống áp đặt" trong khi học ngoại ngữ gắn với phạm trù từ vựng không phải là việc tuyệt đối không thể làm được. Mở rộng kiến thức nhiều mặt về môi trường vốn có liên quan đến sự hình thành nhận thức cho người học là con đường tốt nhất về phương diện này.

3. Cạnh hai hướng "chống áp đặt" trên, có vấn đề tiếp theo cũng cần được chú ý. Trong khi học ngoại ngữ theo định hướng giao tiếp, người học tuy có dựa vào nghĩa từ trong Từ điển nhưng thường họ mở rộng thao tác trong thế thực hành. Do vậy, nghĩa mới của từ đến với họ đôi khi cũng theo con đường mở của văn cảnh. Chẳng hạn, qua phản ứng của người học, khi họ dịch những từ được học trong văn bản (qua ngôn ngữ mẹ đẻ của mình) họ có phát hiện thêm nhiều từ có sắc thái tương ứng mà thường chưa có định nghĩa ở Từ điển. Ví dụ về từ BUT (trong *từ điển Anh - Việt*, nxb KHXH, 1975). BUT tại mục nghĩa *liên từ* có 3 nét nghĩa: 1. *nhưng, nhưng mà* 2. *nếu không còn có cách nào khác* 3. *mà lại không* (tr. 221).

Theo chúng tôi, ta có thể dùng ngay ví dụ của chính từ điển về nét nghĩa 1 để làm sáng tỏ vấn đề: Nguyên vẫn ví dụ này như vậy: *Chúng tôi đã thử làm cái đó nhưng không được*. Rõ ràng, ngoài nét nghĩa được ghi NHƯNG và NHƯNG MÀ, ở đây người học có thể dùng BUT với những biến dạng khác thay vào:

Chúng tôi đã thử làm cái đó NHƯNG/NHƯNG MÀ *không được* (có thể có các dạng):

1. Chúng tôi đã thử làm cái đó MÀ không được
2. Chúng tôi đã thử làm cái đó SONG không được
3. Chúng tôi đã thử làm cái đó SONG LE không được
4. Chúng tôi đã thử làm cái đó THẾ MÀ không được
5. Chúng tôi đã thử làm cái đó THẾ NHƯNG không được
6. Chúng tôi đã thử làm cái đó VẬY MÀ không được
7. Chúng tôi đã thử làm cái đó TUY VẬY không được
8. Chúng tôi đã thử làm cái đó TIẾC RẰNG không được

và v.v...

Như vậy, từ trong thực hành giao tiếp, người học đã bổ xung thêm vào chính nhận thức của mình những sắc thái nghĩa mới nào đó có thể có mà mình cảm nhận được nhưng trong từ điểm chưa nêu. Quá trình "chống áp đặt" trên dĩ nhiên nhiều khi làm cho trường nghĩa nào đó của từ được mở rộng thêm và dẫn đến sự "chập mạch" với trường nghĩa của những từ khác (trong nhận thức của người học, khác lúc mới bắt đầu). Ví dụ chẳng hạn từ BUT liên hệ với các liên từ như HOWEVER và YET

	nhưng
BUT	
	song
.....	
HOWEVER	song le
.....	thế mà
YET	
....	

Tóm lại, theo chúng tôi, khi nói đến việc "áp đặt" trong học ngoại ngữ thực chất là chúng ta đứng về phía người dạy. Nếu từ phía người học thì đây là một thao tác vừa bị động nhưng cũng vừa chủ động trong tiếp xúc ngôn ngữ, và ở đấy việc "áp đặt" và "chống áp đặt" diễn ra đồng thời. Tính biện chứng của sự tác động qua lại này cần được người dạy nhận rõ với đầy đủ tính phức tạp của nó (trong đó đặc biệt là phạm trù "áp đặt tương đối có lý do") để chủ động gợi mở, tạo thế chủ động cho người học trong quá trình giảng dạy.

PROBLEMS OF FOREIGN LANGUAGE TEACHING AND THE PHENOMENA "IMPOSITION"

Phan Van Hoa

Da-Nang dedagogic University

The teaching of a foreign language should be handled by those who develop a sound understanding of such complexity and who can make the best use of the knowledge to convey the richness and subtlety of the definition that language education is, in itself, and interaction for the comprihension of the intercultural differences between languages from different communities.